



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 32(03/8/20 – 07/8/20)



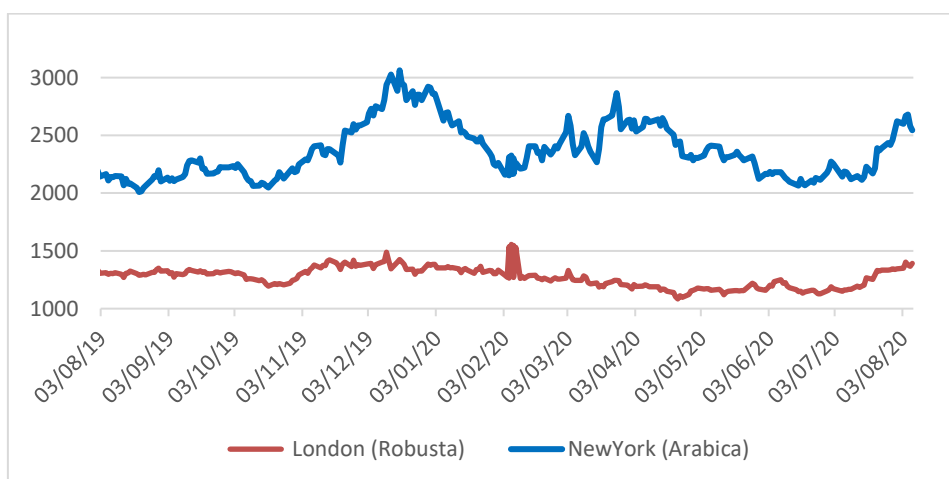
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta bình quân tuần này tăng 2,96% so với tuần trước ở mức 1.379 USD/tấn.

Giá cà phê Arabica bình quân tuần này tăng 4,77 % lên mức 2.614 USD/tấn.

Tại Brazil, gần 89% vụ cà phê mới đã được thu hoạch, tương đương khoảng 48 triệu bao.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Giá cà phê Robusta trung bình kỳ hạn tháng 9 tại sàn London tăng so với tuần trước. Giá cà phê bình quân đạt 1.379 USD/tấn, tăng 2,96% so với tuần trước và tăng 5,59% so với cùng kỳ năm 2019. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.404 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.351 USD/tấn. [1].

Tương tự, giá cà phê Arabica bình quân kỳ hạn tháng 9 tại thị trường New York tăng so với tuần trước. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 2.614 USD/tấn, tăng 4,77% so với mức giá tuần trước và tăng 22,22 % so với cùng kỳ. Giá cao



nhất trong tuần đạt 2.2679 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.579 USD/tấn. [1]

Giá cà phê tăng trên hai sàn kỳ hạn trong khi đồng Reais Brasil suy yếu trở lại sau quyết định của Copom cắt giảm lãi suất cơ bản xuống còn 2%/năm và USD hồi phục trong sự kỳ vọng gói hỗ trợ trị giá 1.000 tỷ USD sẽ được quốc hội Mỹ thông qua.

Trong khi đó, Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) đưa ra báo cáo thị trường tháng Bảy với các con số thống kê cho thấy nguồn cung cà phê toàn cầu chuyển sang thiếu hụt 486.000 bao thay vì dư thừa 1,848 triệu bao theo báo cáo thị trường tháng Sáu, bất chấp Brasil đang thu hoạch vụ mùa mới “*được mùa*” theo chu kỳ “*hai năm một*”. Đồng thời, ICO cũng báo cáo xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng Sáu giảm 5,27% so với cùng kỳ năm trước, với tổng cộng 10,57 triệu bao, dẫn tới tích lũy xuất khẩu cà phê toàn cầu trong 9 tháng đầu của niên vụ cà phê hiện tại 2019/2020 đạt tổng cộng 95,36 triệu bao, giảm 5,08% so với cùng kỳ niên vụ cà phê trước.

Tính đến thứ Hai ngày 03/8, tồn kho cà phê Robusta được sàn London chứng nhận và theo dõi cấp phát đã giảm thêm 1.130 tấn, tức giảm 1,01 % so với tuần thương mại trước đó, xuống đăng ký ở 110.910 tấn (tương đương 1.848.500 bao, bao 60 kg).

Tồn kho cà phê Arabica được sàn New York chứng nhận và cấp phát tại thời điểm ngày 03/8 là 95.678 tấn (tương đương 1.594.629), giảm 178 tấn hay 0,2% so với tuần thương mại trước đó, trong đó với 94,1% số tồn kho cà phê được nắm giữ ở châu Âu (1.501.260 bao), 5,9% còn lại (93.369) đang được nắm giữ tại Hoa Kỳ.

Các nhà phân tích Safras & Mercado ước tính rằng Brazil đã thu hoạch được khoảng 57 triệu bao trong số 68 triệu bao của vụ mùa mới, đạt khoảng 84% sản lượng dự kiến. Vụ thu hoạch ở Brazil năm nay diễn ra chậm hơn so với cùng tuần năm 2019 khi khoảng 93% sản lượng được thu hoạch, nguyên nhân có thể do quy mô vụ mùa năm này lớn hơn, và thời gian thu hoạch chậm hơn. Điều kiện thời tiết khô hạn sẽ



tiếp tục trong tuần tới trên khắp vành đai Cà phê Brazil tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hoạch cũng như chất lượng cà phê.

Liên đoàn những người trồng cà phê quốc gia ở Colombia đã báo cáo rằng sản lượng cà phê của nước này trong tháng 7 đạt 1.310.000 bao, thấp hơn 7.000 bao hay 0,53% so với cùng kỳ năm ngoái, nâng sản lượng lũy kế trong 10 tháng từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 9 năm 2020 đạt 12.014.000 bao, cao hơn 355.000 bao hay 3,04% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 7 là 1.133.000 bao, cao hơn 10.000 bao hay 0,90% so cùng kỳ năm ngoái. Xuất khẩu lũy kế 10 tháng đầu niên vụ 2019/2020 đạt 10.218.000 bao, thấp hơn 804.000 bao hay thấp hơn 7,30% so với cùng kỳ năm trước. Sự sụt giảm này do các hạn chế được đưa ra như một phần của nỗ lực toàn quốc nhằm chống lại sự lây lan của vi rút Covid-19.

Viện Cà phê Quốc gia Honduras ICAFE đã báo cáo rằng từ tháng 10 năm 2019 và tháng 7 năm 2020, Honduras xuất khẩu 5,24 triệu bao, giảm 17% so với 6,29 triệu bao xuất khẩu trong cùng kỳ năm ngoái. Niên vụ 2019/2020 (từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 9 năm 2020), xuất khẩu cà phê có thể giảm khoảng 19% xuống còn 5,6 triệu bao, so với 6,8 triệu bao mà Honduras xuất khẩu trong niên vụ trước và trong 10 năm đầu tiên.

Viện Cà phê Quốc gia Honduras đã báo cáo rằng xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 7 đạt 310.288 bao, thấp hơn 55,50% so với cùng kỳ năm ngoái, Xuất khẩu lũy kế 10 tháng đầu năm từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 9 năm 2020 thấp hơn 16,70% so với cùng kỳ năm trước, ở mức tổng cộng 5.235.629 bao.

Viện Cà phê Quốc gia Costa Rica đã báo cáo rằng xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 7 đạt 139.022 bao, cao hơn 13,13% so với cùng kỳ năm ngoái. Xuất khẩu lũy kế trong 10 tháng đầu năm từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 9 năm 2020 bằng với cùng kỳ năm trước, đạt tổng cộng 980.731 bao.



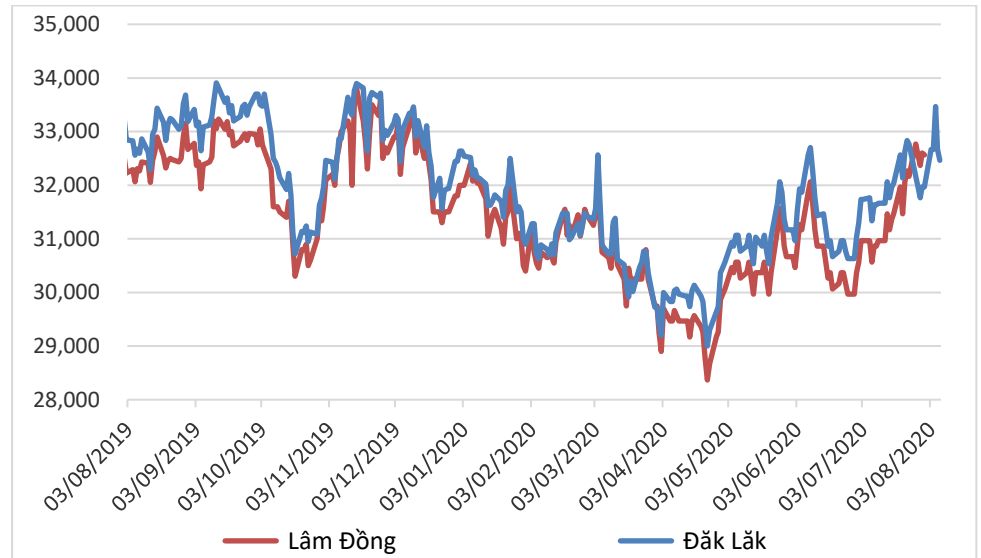
Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng trong tuần qua ở mức từ 200-420 đồng/kg

Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn tăng 2,07% lên mức 1.556 USD/tấn.

Dự án Vnsat hỗ trợ người dân tái canh cây cà phê, mức cho vay tối đa 270 triệu đồng/ha và 400 triệu đồng/ha (đã bao gồm hệ thống tưới tiết kiệm); thời hạn cho vay tối đa 9 năm.

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/8/2020 mang đến cơ hội tăng trưởng xuất khẩu cho cà phê Việt Nam.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT và Tin Tây Nguyên

Giá cà phê trung bình trong nước tuần này biến động tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân đạt 32.786 đồng/kg, tăng 2,57% so với mức giá tuần trước và tăng 0,25% so với cùng kỳ năm 2019. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta giảm 0,82% so với tuần trước, xuống mức 32.306 đồng/kg và giảm 0,26% so với cùng kỳ năm ngoái. [4].

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 1.556 USD/tấn, tăng 2,07% so với tuần trước và tăng 13 % so với cùng kỳ năm 2019. [6].

Cà phê trên địa bàn Tây Nguyên phần lớn được trồng có tuổi đời từ 20 - 25 năm nên đã già cỗi, thoái hóa, chất lượng thấp. Việc tái canh cà phê đang là nhu cầu bức thiết của người dân. Những năm gần đây, Dự án Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững (VnSAT) và ngành nông nghiệp các tỉnh Tây Nguyên đã có nhiều giải pháp hỗ trợ giống, đặc biệt là nguồn vốn cho người dân để tái canh cà phê bền vững. Ngoài nguồn vốn cho vay thông thường, người dân còn được hỗ trợ vay vốn tín dụng của dự án VnSAT do ngân hàng thế giới (WB) tài trợ. Theo đó, mức cho vay tối đa để tái canh cà phê là 270



triệu đồng/ha và 400 triệu đồng/ha (đã bao gồm hệ thống tưới tiết kiệm); thời hạn cho vay tối đa 9 năm; lãi suất cho vay ở mức dưới 7% trong thời gian ân hạn từ 1- 4 năm. Một trong những cản trở lớn nhất trong việc tiếp cận nguồn vốn dự án Vnsat là do nhiều hộ dân đã sử dụng sổ đỏ để thế chấp ngân hàng vay tiêu dùng. Theo báo cáo của Ban Quản lý Dự án VnSAT tỉnh Đắk Nông, đến nay dự án đã được triển khai trên 57 xã/phường thuộc 6 huyện/thành phố của tỉnh Đắk Nông với phạm vi diện tích cà phê vào khoảng 106.000ha (chiếm 80% diện tích cà phê của tỉnh). Năm 2020, VnSAT Đắk Nông thực hiện 107 lớp đào tạo, tập huấn FFS về sản xuất cà phê bền vững với khoảng 4.280 người tham dự. Hiện tỉnh đang duy trì 60 mô hình tái canh cà phê nhằm phục vụ nhu cầu học tập và nhân rộng diện tích sản xuất cà phê bền vững. Đồng thời duy trì hỗ trợ 26 mô hình trình diễn thực hành tái canh bền vững với tổng diện tích là 13ha. Việt Nam đặt mục tiêu đến năm 2025, tiếp tục duy trì ổn định diện tích cà phê là 600 nghìn ha, năng suất 2,7-2,9 tấn/ha, sản lượng 1,8-2 triệu tấn/năm. Tiếp tục tái canh và ghép cải tạo các vườn cà phê già cỗi và phân đấu đến 2025 tái canh và ghép cải tạo thêm từ 30-40 nghìn ha. Trong đó, vùng trọng điểm gồm 4 tỉnh ở Tây Nguyên là 530 nghìn ha (tỉnh Đắk Lắk: 190 nghìn ha, Lâm Đồng: 150 nghìn ha; Gia Lai: 75 nghìn ha; Đắk Nông: 115 nghìn ha) [7].

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/8/2020 mang đến cơ hội tăng trưởng xuất khẩu cho nhiều mặt hàng nông sản Việt Nam, trong đó có cà phê. Dù Covid-19 đang gây khó khăn cho kinh tế và tiêu dùng, nhưng bánh mì, sữa, cà phê... vẫn là những mặt hàng có mức tiêu thụ cao tại EU. EU là thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất trên thế giới với kim ngạch nhập khẩu từ các nước ngoài khối tăng trưởng bình quân trên 7%/năm (giai đoạn 2005 - 2018), giá trị nhập khẩu trung bình khoảng 10 tỷ USD/năm. Dù lượng cà phê Việt Nam sang EU khá lớn, chiếm trên 8,5% tổng lượng cà phê nhập khẩu của thị trường này, song tỷ lệ cà phê chế biến còn thấp, chỉ 5 - 7%. Khi thực thi EVFTA, EU sẽ xóa bỏ mức thuế 7,5 - 9% đối với cà phê



nhân (rang, rang xay). Mức thuế 9 - 11,5% đối với một số chế phẩm từ hạt cà phê bao gồm cà phê hòa tan, tinh chất chứa cà phê sẽ được xóa bỏ trong vòng 3 năm. Do vậy, EVFTA sẽ tạo cơ hội lớn để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu cà phê chế biến sang EU. Để tận dụng các cơ hội từ EVFTA, ngành cà phê Việt Nam nên chú trọng nâng cao chất lượng, tăng hàm lượng chế biến để gia tăng giá trị, thay vì chỉ quan tâm đến sản lượng xuất khẩu. Cụ thể là, ngành cà phê phải chú trọng các giải pháp nâng cao chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc xuất xứ như triển khai đánh và cấp mã số vùng trồng, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm và triển khai tự chứng nhận xuất xứ nhằm hưởng ưu đãi về thuế quan. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cần chủ động nghiên cứu, tìm hiểu thông tin về tiêu chuẩn của Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC), tiêu chuẩn của các quốc gia về chất lượng, ghi nhãn và sử dụng bao bì, chứng nhận an toàn thực phẩm... Ngoài ra, cũng cần đẩy mạnh hoạt động hợp tác công tư giữa Nhà nước - doanh nghiệp - nông dân trong khâu chế biến sau thu hoạch; tăng liên kết; thu hút đầu tư vào khâu chế biến [7].

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. [https:// www. iandmsmith.com/](https://www.iandmsmith.com/)
- [3]. <https://www.comunicaffe.com>
- [4]. CTV dự án VNSAT và trang tin Tin Tây Nguyên
- [5]. <https://giacaphe.com>
- [6] <https://www.customs.gov.vn/>
- [7]. <https://nongnghiep.vn/>

Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên trong tuần

ĐVT: đồng/kg



Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	32.067	32.167	32.967	32.267	32.067	32.307	340
Bảo Lộc	32.1	32.2	33	32.3	32.1	32.34	340
Dĩ Linh	32	32.1	32.9	32.2	32	32.24	260
Lâm Hà	32.1	32.2	33	32.3	32.1	32.34	420
ĐẮK LẮK	32.667	32.667	33.467	32.667	32.467	32.787	213
Cư M'gar	32.8	32.8	33.6	32.8	32.6	32.92	220
Ea H'leo	32.6	32.6	33.4	32.6	32.4	32.72	220
Buôn Hồ	32.6	32.6	33.4	32.6	32.4	32.72	200
GIA LAI	32.467	32.567	33.267	32.567	32.367	32.647	267
Pleiku	32.5	32.6	33.3	32.6	32.4	32.68	280
Chư Prông	32.5	32.6	33.3	32.6	32.4	32.68	320
La Grai	32.4	32.5	33.2	32.5	32.3	32.58	200
ĐẮK NÔNG	32.5	32.5	33.233	32.533	32.333	32.62	260
Gia Nghĩa	32.4	32.4	33.2	32.5	32.3	32.56	200
Đắk R'lấp	32.5	32.5	33.3	32.6	32.4	32.66	320
KON TUM	32.6	32.6	33.2	32.5	32.3	32.64	260
Đắk Hà	32.6	32.6	33.2	32.5	32.3	32.64	260
HỒ CHÍ MINH	34	34	34.9	34.1	33.9	34.18	220

Nguồn: CTV-Agroinfo



Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

